

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/DS - ST

Ngày: 13 - 6 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích .

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Lê Đức Chạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 13 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST - TCDS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST – TCDS ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Đàm Thị X, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Xóm E T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Xóm E T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Đại diện theo uỷ quyền của ông Đỗ Văn P là bà Đàm Thị X, Địa chỉ: Xóm E T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt bà X và ông D vắng mặt ông P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đàm Thị X trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn D có

quan hệ họ hàng với nhau nên ngày 01/3/2021 bà có cho ông Nguyễn Văn D vay số tiền 525.000.000 đồng. Khi cho vay giữa bà và ông D có viết giấy biên nhận vay tiền với nội dung “ tên tôi là Nguyễn Văn D địa chỉ xóm D, xã N. Nghĩa H Nam định. Tôi có vay của cháu X địa chỉ xóm E T, xã N Nam Định với số tiền là 525,000,000đ bằng chữ (năm trăm hai năm triệu). Tôi hứa đúng 17 tháng tôi sẽ hoàn cả gốc và lãi đầy đủ nếu sai tôi chịu trách nhiệm chước pháp luật, ngày 01-3-2021 người vay chữ tên Nguyễn Văn D”. Số tiền trên là do vợ chồng bà vay ngân hàng về cho ông D mượn vì vậy là tài sản chung của vợ chồng bà. Sau khi ký bà đã đưa tiền cho ông D và hai bên thỏa thuận lãi suất miệng với nhau là 1%/tháng. Kể từ khi đưa tiền ông D không trả lãi bà đã nhiều lần đòi nhưng ông D khất nợ. Đến tháng 7/2022 thì bà đã yêu cầu ông D phải thanh toán số tiền trên cho vợ chồng bà nhưng ông D cứ khất lần, khất lượt không thanh toán cho bà được khoản tiền nào bà đã đòi nhiều lần thì ông D đã trả cho bà được ba lần tiền vào ngày 27/12/2022 là 17.000.000 đồng; ngày 20/6/2023 là 5.000.000 đồng và ngày 29/12/2023 là 10.000.000 đồng. Tính đến ngày 29/12/2023 ông D còn nợ vợ chồng bà số tiền là 493.000.000 đồng. Sau đó bà đã làm đơn khởi kiện ông D đến Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng để giải quyết buộc ông D phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi đã vay của bà. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ngày 17/12/2024 ông D đã thanh toán cho vợ chồng bà 100.000.000 đồng và ông D hứa đến tháng 3/2025 sẽ thanh toán hết, đến hạn ông D không thực hiện theo lời hứa. Nay bà đề nghị với Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng buộc ông Nguyễn Văn D phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc đã vay của vợ chồng bà và tiền lãi là 0,8%/tháng kể từ khi vay đến khi giải quyết xong vụ án. Cụ thể tính đến ngày 23/12/2024 ông D còn nợ vợ chồng bà là 493.000.000đồng kể từ khi vay ngày 01/03/2021 đến ngày 23/12/2024 tính tròn là 45 tháng tương ứng với số tiền lãi $493.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/tháng \times 45 \text{ tháng} = 177.480.000 \text{ đồng}$. kể từ 01/01/2025 ông D còn nợ vợ chồng bà là 393.000.000đồng đến ngày xét xử tính tròn là 5 tháng tương ứng với số tiền lãi $393.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/tháng \times 5 \text{ tháng} = 15.720.000 \text{ đồng}$.

Về hình thức thanh toán: Bà Đàm Thị X yêu ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng bà ngay toàn bộ số tiền gốc và lãi đã vay.

Về án phí: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông và bà Đàm Thị X có quan hệ anh em họ hàng với nhau vì vậy do cần vốn làm ăn nên ông có vay của bà X số tiền là 525.000.000 đồng. Khi vay ông và bà X đã viết giấy nhận nợ và hai bên thỏa thuận đúng 17 tháng ông phải thanh toán hết toàn bộ số tiền đã vay cho bà X và lãi suất hai bên thỏa thuận

là theo lãi ngân hàng nhưng trong giấy vay không ghi rõ lãi suất. Bà X tính lãi cho ông một tháng là 33.000.000 đồng và ông đã trả được 06 tháng tiền lãi. Sau đó bà X nói là cho lãi ông nên ông không trả lãi nữa. Tất cả số tiền ông vay của bà X không liên quan đến vợ ông. Cho đến khi bà X khởi kiện ông đã thanh toán cho bà X được ba lần tiền vào ngày 27/12/2022 là 17.000.000 đồng; ngày 20/6/2023 là 5.000.000 đồng và ngày 29/12/2023 là 10.000.000 đồng. Tính đến thời điểm ngày 29/12/2023 ông chỉ còn nợ bà X số tiền là 493.000.000 đồng. Đến tháng 7/2022 thì bà X đã yêu cầu ông phải thanh toán số tiền trên cho bà X nhưng do làm ăn khó khăn nên ông chưa có để thanh toán cho bà X nên bà X đã khởi kiện ông đến Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 17/12/2023 ông đã thanh toán cho bà X số tiền là 100.000.000 đồng. Nay bà X yêu cầu ông phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc đã vay của bà toàn bộ số tiền gốc đã vay của bà là: 393.000.000 đồng và tiền lãi cho là 0,8%/tháng kể từ khi giải quyết xong vụ án thì ông xác định ông chỉ còn nợ bà X số tiền là 393.000.000 đồng còn tiền lãi bà X nói đã cho ông rồi nên ông không trả số tiền lãi theo yêu cầu của bà X.

Về hình thức thanh toán: Ông xác định do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông xin trả dần số tiền gốc mỗi năm ông sẽ thanh toán cho bà X số tiền là 130.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị X. Buộc ông Nguyễn Văn D và phải thanh toán cho vợ chồng bà X số tiền vay gốc và lãi theo quy định; Về án dân sự sơ thẩm đề nghị tuyên theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn D đăng ký hộ khẩu thường trú tại và hiện đang cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay bà Đàm Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là phù hợp với quy

định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay xác định: Ngày 01/3/2021 ông D có vay tiền của bà X và có viết giấy biên nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều xác định giấy vay tiền đó là đúng và đúng chữ ký của mình. Tại giấy vay tiền hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ là 17 tháng và lãi suất theo thỏa thuận. Như vậy có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” có thời hạn và có lãi suất theo quy định tại các Điều 463, 468 và 470 Bộ luật Dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự từ năm 2021 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Các bên đương sự đều thống nhất trên cơ sở là quan hệ anh em họ hàng với nhau nên ông D có vay tiền của vợ chồng bà X thể hiện qua giấy vay tiền ngày 01/3/2021 với số tiền là 525.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều xác định giấy vay tiền đó là đúng và đúng chữ ký của mình. Hai bên đều thống nhất đến ngày xét xử ông D đã thanh toán cho bà X được bốn lần tiền vào ngày 27/12/2022 là 17.000.000 đồng; ngày 20/6/2023 là 5.000.000 đồng và ngày 29/12/2023 là 10.000.000 đồng và 17/12/2023 ông D đã thanh toán cho bà X số tiền là 100.000.000 đồng. Tính đến ngày 29/12/2023 ông D đã thanh toán cho bà X được 32.000.000 đồng và ông D còn nợ bà X số tiền là 493.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử là ngày 10/6/2025 các bên đương sự đều thống nhất ông D còn nợ vợ chồng bà X số tiền gốc là 393.000.000 đồng. Xét việc vợ chồng bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D phải thanh toán cho vợ chồng bà số tiền gốc là 393.000.000 đồng mà ông D còn đang nợ thấy có căn cứ theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với lãi suất của khoản vay:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đàm Thị X yêu cầu ông D phải trả tiền lãi cho vợ chồng bà là 0,8%/tháng kể từ khi vay đến khi giải quyết xong vụ án. Cụ thể tính ngày 01/03/2021 đến ngày 23/12/2024 tính tròn là 45 tháng tương ứng $493.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times 45 \text{ tháng} = 177.480.000 \text{ đồng}$. kể từ 01/01/2025 đến ngày xét xử tính tròn là 5 tháng tương ứng $393.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} = 15.720.000 \text{ đồng}$ tổng lãi là 193.200.000đ. Ông D không nhất trí vì cho rằng trước đây đã trả lãi cho bà X và bà X hứa cho lãi.

Xét yêu cầu của bà X và quan điểm của ông D thấy; Tại giấy biên nhận vay tiền ngày 01/3/2021 hai bên có thỏa thuận “đúng 17 tháng ông D hoàn cả gốc và lãi đầy đủ” nhưng hai bên không ghi rõ về việc thỏa thuận lãi suất cụ thể. Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất*” và Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của thống đốc ngân hàng N xác định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm. Vì vậy việc bà X yêu cầu tính lãi suất là 0,8%/tháng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận:

Ông Nguyễn Văn D xác định trước đây bà X tính lãi cho ông một tháng là 33.000.000 đồng và ông đã trả được 06 tháng tiền lãi và bà X nói đã cho ông nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông không đưa ra tài liệu chứng cứ nào chứng minh nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông D có đơn xin giảm án phí được UBND xã N xác nhận nên ông D được giảm một phần án phí.

[6] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 13 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị X:

Buộc ông Nguyễn Văn D phải trả cho vợ chồng bà Đàm Thị X, ông Đỗ Văn P1 tổng số tiền tính đến ngày 13/6/2025 là 586.200.000 đồng (năm trăm tám mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 393.000.000 đồng, tiền lãi là 193.200.000 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đàm Thị X có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn D chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn D phải nộp 13.800.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Đàm Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) theo Biên lai số: 0001525 ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Trung;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Trọng Ích